

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ, bãi sông;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất mỏ cát làm vật liệu xây

dựng thông thường tại mỏ cát số 45 xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy đối với Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 45, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy”;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 45, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản của Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền đề ngày 16/8/2023 nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1241/TTr-STNMT ngày 27/9/2023 và Công văn số 10007/STNMT-TNKS ngày 27/10/2023 (kèm theo ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Cẩm Thủy, UBND xã Cẩm Vân và các tài liệu có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Gia hạn Quyết định cấp phép khai thác khoáng sản số 2411/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh để Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền được tiếp tục khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 45 xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, cụ thể:

- Diện tích mỏ 48.800 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo;
- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác (Trữ lượng địa chất cát, sỏi) là 64.327 m³ (trong đó: cát xây trát (cát đen) là 23.575 m³; cát bê tông (cát vàng) là 19.524 m³; sỏi 1x2 là 21.228 m³);

- Trữ lượng được tiếp tục khai thác: 64.043 m³ (trong đó: cát xây trát (cát đen) là 23.471 m³; cát bê tông (cát vàng) là 19.438 m³; sỏi 1x2 là 21.134 m³);
- Công suất khai thác: 12.594 m³/năm;
- Mức sâu khai thác: Không quá cos + 4,2 m;
- Phương pháp khai thác: lộ thiên;
- Thời hạn tiếp tục khai thác: 05 năm 01 tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền có trách nhiệm.

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng cát, sỏi còn lại tại mỏ cát số 45 xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy theo trữ lượng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 28/5/2019.

3. Thực hiện đúng các quy định tại Quyết định cấp phép khai thác khoáng sản số 2411/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh; quy định tại nội dung Gia hạn Giấy phép này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; chịu sự kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm (nếu có) của các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Trước khi tiến hành khai thác, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải lập phương án đảm bảo giao thông đường thủy theo quy định, trình Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận làm cơ sở triển khai thực hiện; thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trong quá trình khai thác phải thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường - xã hội; phối hợp với UBND xã Cẩm Vân, thường xuyên theo dõi bờ, bãi sông xung quanh khu vực mỏ, nếu phát hiện hiện tượng sạt lở bờ, bãi sông thì phải tạm dừng việc khai thác và báo cáo ngay cho UBND huyện Cẩm Thủy và Sở Tài nguyên và Môi trường biết để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động đến lòng, bờ, bãi sông, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

6. Chỉ được phép khai thác cát, sỏi vào ban ngày (trong khoảng thời gian từ 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều), không được khai thác vào ban đêm; thời gian khai thác trong năm, thực hiện theo Công văn số 7474/UBND-CN ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh; phải dừng mọi hoạt động khai thác kể từ ngày có bản tin của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia báo bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Thanh Hóa cho đến khi bão và áp thấp nhiệt đới tan hoặc khi mực nước sông đạt mức báo động từ cấp 1 trở lên.

7. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không làm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của Nhân dân, không vận chuyển quá tải trọng, quá khổ giới hạn, chịu trách nhiệm sửa chữa hư hỏng, hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông, đê điều và các công trình khác có liên quan do quá trình khai thác, vận chuyển gây ra; bố trí bãi tập kết cát, sỏi vật liệu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Kết thúc khai thác khai thác phải thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

11. Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan trong việc khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm trước pháp

luật nêu để xảy ra các vi phạm trong quá trình khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ cát nêu trên.

Điều 3: Trách nhiệm của các sở, ban, ngành.

Giao các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Cẩm Thủy và các đơn vị có liên quan căn cứ quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tại các văn bản có liên quan, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, giải quyết kịp thời những vấn đề có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ cát nêu trên của Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành; trường hợp có dấu hiệu về hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản phải yêu cầu dừng ngay, để khắc phục, giải quyết kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận pháp lý không tách rời của Quyết định cấp phép khai thác khoáng sản số 2411/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền.

Trước khi tiến hành khai thác, Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Các Sở: TN&MT, XD, GTVT, NN&PTNT
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy;
- Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền;
- Lưu HS, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số: 01

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	2223 989.0	559 154.0
2	2223 885.0	559 055.0
3	2223 834.0	559 075.0
4	2223 907.0	559 275.0
5	2224 023.0	559 325.0
6	2224 183.0	559 268.0
7	2224 155.0	559 159.0
Diện tích khu vực mỏ S= 48.800 m²		